

tộc ở địa phương. Biết được tên cây bằng tiếng các dân tộc sẽ giúp ích rất nhiều cho công tác điều tra thực vật sau này, cũng như giúp ích nhiều cho công tác điều tra trước mắt lại vừa phù hợp với chủ trương phát triển ngôn ngữ, văn hóa, khoa học của các dân tộc ít người.

Trong đời sống hằng ngày, các dân tộc miền núi từ giai đoạn cổ sơ đã biết thu thập các sản phẩm ở rừng phục vụ đời sống. Cho đến nay, con người tuy phần lớn đã dựa vào nguồn vật chất do quá trình sản xuất tạo ra, nhưng cũng còn nhiều thứ vẫn là sản phẩm thiên nhiên của rừng, như cây làm thuốc, cây làm rau xanh, cây làm nhà v.v... Tập hợp lại ở nhiều dân tộc có tới mấy trăm loài, mà những loài nào nhân dân đã quen sử dụng, họ có thể biết hết giá trị sử dụng, phân bố của nó...

Do đó, nếu như trong lực lượng làm thực vật chí có được các cán bộ người dân tộc tham gia thì rất tốt.

6. Về tập hợp tài liệu, tất nhiên nguồn tài liệu tham khảo có khá nhiều, nhưng nó còn tản mạn ở nhiều cơ quan. Tập hợp đầy đủ nguồn tài liệu đó sẽ giúp chúng ta dễ dàng vạch kế hoạch thu thập tài liệu sau này. Tất cả tài liệu của các cơ quan có thể dùng cho việc tham khảo, phải coi là một loại thành quả của cơ quan đó đóng góp bước đầu vào công tác xây dựng bộ thực vật chí của nước ta. Ví dụ như, các báo cáo điều tra các đặc điểm lâm học của nhiều tỉnh trên miền Bắc nước ta, với nội dung là điều tra thành phần các loài cây gỗ thông thường, điều tra đặc điểm và xu hướng tái sinh v.v... là những tài liệu tham khảo rất tốt. Các đồng chí cán bộ phân loại thực vật trong ngành điều tra rừng là những người có khả năng khai thác dễ dàng và triệt để nguồn tài liệu này, vì mỗi dòng trong báo cáo có thể là nhiều bước đi của họ ngoài thực địa.

Chúng tôi hi vọng bài viết này có thể góp phần thảo luận về vấn đề mà tạp chí Hoạt động khoa học đã đặt ra.

NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG ĐÔNG Y TRONG KHOA MẮT

NGUYỄN DUY HÒA — CÙ NHÂN NẠI

Trong điều trị các bệnh trên mắt, cũng như đối với các bệnh toàn thân, thầy thuốc đông y dựa vào hai nguồn gốc: một là các vị thuốc, các bài thuốc nam tích lũy từ nhiều đời do ông, cha chúng ta để lại; hai là các bài thuốc, các vị thuốc bắc, dựa vào lí luận, kinh nghiệm y học Trung-quốc, với các luận thuyết âm dương.

Từ nhiều năm nay, dựa vào phương châm kết hợp đông tây y của ngành y tế, Viện Mắt tiến hành từng bước nghiên cứu, áp dụng đông y để chữa những bệnh mắt. Việc nghiên cứu này, được tiến hành có kế hoạch từng bước, từ tổ chức, đến việc sưu tầm các tài liệu, học hỏi kinh nghiệm các vị lương y, đến việc điều trị thăm dò, việc phân tích các hoạt chất của các lá thuốc, việc tổng hợp các kết

quả, và cuối cùng là phổ biến áp dụng xuống các tuyến dưới.

1. Tổ chức phòng nghiên cứu đông y

Từ năm 1960—1961, ngoài các khoa lâm sàng chữa các bệnh mắt theo y học thông thường, tại Viện Mắt được thành lập một phòng nghiên cứu đông y. Chức năng, nhiệm vụ của nó là sưu tầm, nghiên cứu từng bước các lá thuốc, vị thuốc, đơn thuốc nam hoặc thuốc bắc có tác dụng trị được các bệnh mắt phổ biến và hay gây mù. Áp dụng từng bước các thứ thuốc đó, để điều trị thăm dò, đúc kết kinh nghiệm để phổ biến rộng rãi.

Phòng nghiên cứu được giao cho một bác sĩ, sau khi học xong chương trình đại học, được học thêm ba năm đông y nội khoa bên

Trung-quốc phụ trách; ngoài ra có thêm hai bác sĩ chuyên khoa mắt theo tây y, và một vị lương y có nhiều kinh nghiệm, xuất thân từ một gia đình có nhiều đời chữa thuốc đông y. Các nhà nghiên cứu này, đều được huấn luyện bởi dưỡng thêm một lớp chuyên khoa mắt, để chẩn đoán các bệnh theo tây y, cũng dựa vào các xét nghiệm chuyên khoa như đo nhãn áp, lấy thị lực, thị trường, soi đáy mắt v.v...

Phòng nghiên cứu này những năm gần đây được chuyển thành một khoa đông y.

2. Sưu tầm tài liệu và kinh nghiệm

Khoa Đông y tiến hành công việc đầu tiên là sưu tầm lại các tài liệu lấy từ các sách thuốc kinh điển: ví dụ như trong Nam dược thần hiệu của Tuệ Tĩnh, gồm 500 bài thuốc, thì có gần 50 bài thuốc chữa các bệnh mắt, hoặc quyển « Nhãn khoa yếu lược » của Lê Đức Vọng viết từ năm 1637, hoặc từ các sách thuốc của Trung-quốc. Ngoài ra, còn có hàng trăm bài thuốc, vị thuốc chữa mắt gia truyền, được lưu truyền trong nhân dân.

Việc sưu tầm cần được tiến hành tận gốc, bằng cách cử cán bộ về các địa phương, các tỉnh học tập kinh nghiệm gia truyền của các vị lương y ở Nam-hà, Hà-bắc, Vĩnh-phú, Thái-bình v.v...; khoa Đông y còn mời các cụ lương y có tên tuổi, từ Hà-tĩnh ra công tác ở Viện Mắt, để điều trị thăm dò, học tập kinh nghiệm.

Trong công tác sưu tầm, học tập kinh nghiệm này, một việc phải làm và phải làm một cách thận trọng, dẫn đạo, là dùng các danh từ tây y để chỉ các bệnh được chữa có kết quả trong các sách cổ truyền, mà được chỉ dưới danh từ khác. Thật vậy, trong các sách cổ truyền không có các danh từ chỉ các bệnh như đục thủy tinh thể, glôcôm, viêm thị thần kinh, v.v...

3. Phương pháp điều trị — nghiên cứu

Sau khi đã sưu tầm các tài liệu, chọn lọc trong hàng trăm bài thuốc, hàng nghìn lá thuốc, khoa Đông y bắt đầu tiến hành điều trị thăm dò. Thuốc chữa theo đông y, nhưng phương pháp nghiên cứu hoàn toàn theo khoa học, từ cách chọn người bệnh, cách chẩn đoán dựa vào các xét nghiệm lâm sàng, chủ yếu là thị lực, nhãn áp, thị trường, đáy mắt, cũng như vào các xét nghiệm khoa học cơ sở, như nuôi cấy vi trùng, công thức máu, tế bào học v.v... quá trình theo dõi cũng phải dựa vào tiến triển chủ quan, cũng như tiến bộ về mặt chức năng của mắt. Người bệnh

cũng được chia thành các lô, có lô điều trị theo đông y, có lô chứng chữa theo tây y kinh điển, để so sánh kết quả.

Cũng có những lá thuốc còn được đi sâu nghiên cứu bằng cách phân tích hoạt chất gây tác dụng, để chế biến dạng thuốc thích hợp nhất, thậm chí còn nghiên cứu trên mặt thực nghiệm. Ví dụ như sau khi nghiên cứu thăm dò, thấy tác dụng rõ rệt của lá rấp cá với lòng trắng trứng gà dùng đắp theo dạng thuốc dân gian, thì tiến hành cải tiến dạng thuốc thành dầu tra, nước tra cũng có tác dụng như đắp lá. Đồng thời tiến hành thêm một bước, gây mô hình bệnh lý trên mắt thỏ, để so sánh kết quả điều trị, với tiến triển của bệnh khi không có thuốc. Hiện nay, phòng dược lý của Viện còn kết hợp thêm với các viện bạn nghiên cứu hoạt chất của lá thuốc quý báu này, có tác dụng hơn rất nhiều loại kháng sinh thông thường.

4. Kết quả điều trị nghiên cứu

— Đối với viêm kết mạc.

Viêm kết mạc (danh từ dân gian là đau mắt đỏ) là một bệnh rất phổ biến trong nhân dân ta, đặc biệt ở nông thôn, khi các điều kiện vệ sinh còn chưa cao. Đặc biệt viêm kết mạc còn tạo điều kiện cho bệnh đau mắt hột phát triển và trở nên trầm trọng hơn. Đối với viêm kết mạc, khoa đã nghiên cứu có kết quả nhiều lá cây, rễ cây, nay được chế hóa dưới dạng thuốc tra. Đó là các thuốc panmatin, chiết xuất từ cây hoàng đằng, là một loại cây rất phổ biến ở nước ta. Thuốc này tỏ ra có tác dụng kháng sinh khá cao, và hiện nay, ngoài chữa đau mắt đỏ, panmatin còn dùng để phòng đau mắt hột cho học sinh ở nhiều nơi.

Gần đây, viện nghiên cứu còn cho thấy lá CDRG còn có tác dụng vừa chống viêm kết mạc do vi khuẩn, vi chống được nấm. Các lá kim ngân hoa, đơn tướng quân, bồ công anh, pha uồng, còn có tác dụng điều trị các viêm kết mạc do dị ứng như viêm kết mạc mùa xuân.

— Đối với viêm giác mạc.

Kết quả khả quan nhất là dùng lá RC để điều trị viêm loét giác mạc do vi trùng gây mủ xanh, là một thứ vi khuẩn mà tuyệt đại đa số các kháng sinh thông thường hoàn toàn không có tác dụng. Người bệnh bị loét giác mạc do vi trùng này, thường bị khoét bỏ mắt. Những năm gần đây, có một số kháng sinh có tác dụng như colistine, polymixine, nhưng phải nhập nội, và giá rất đắt. Kết quả theo dõi trên 55 người bệnh, nhận thấy tỉ lệ bảo toàn được mắt là 77% Kết quả thực nghiệm trên

thở cũng phù hợp với kết quả lâm sàng trên người bệnh.

Các bài thuốc tiêu viêm A và tiêu viêm B, dựa trên lý luận «khu phong, thanh nhiệt», sử dụng các lá thuốc nam, như kim ngân hoa, liên kiều, cúc hoa, sinh địa v.v... có tác dụng điều trị tốt cho nhiều trường hợp viêm giác mạc, có loét, hoặc không kèm theo loét. Đặc biệt có nhiều trường hợp loét giác mạc hình cành cây, có kèm theo mất cảm giác giác mạc, mà về lâm sàng có thể nghĩ đến nguyên nhân do virus gây Herpès, điều trị theo các bài thuốc uống này, cũng thấy rất hiệu nghiệm.

— Đối với các bệnh của võng mạc, hoặc thị thần kinh.

Bài thuốc viên minh mục, sử dụng các vị thuốc thực địa, hoài sơn, phục linh, trạch tả, đan bì v.v... dưới dạng thuốc tễ, đã đem lại kết quả tốt trong các bệnh viêm hoàng điểm, viêm võng mạc trung tâm có tiết dịch v.v...

Đặc biệt có nhiều trường hợp dây thần kinh đã có thoái hóa, điều trị bằng tây y lâu ngày vẫn không có kết quả, nhưng điều trị bằng viên minh mục đã đem lại kết quả. Đối với giai đoạn đầu của viêm võng mạc trung tâm dùng cao bồ cu vẽ và hà thủ ô trắng đạt kết quả khả quan tới 86% (tăng thị lực), cốm minh mục đạt kết quả tới 84%. Đối với giai đoạn sau, có tổn thương tuần hoàn mao mạch của hoàng điểm, viên minh mục đạt tỉ lệ tới trên 78% và cốm minh mục đạt kết quả trên 73%.

— Áp dụng châm cứu trong khoa mắt.

Trong các huyết ở các đường kinh lạc, có nhiều huyết có tác dụng đặc hiệu đối với các bệnh mắt. Đó là các huyết:

— Toàn túc, dương bạch, ti túc không ở vùng lông mày,

— Tĩnh minh, đồng tử liêu, tứ bạch ở mi dưới,

— Thái dương ở phía thái dương,

— Phong trì ở sau tai.

Ngoài ra, còn có các huyết hợp cốc, phế du, liệt khuyệt, v.v... Châm cứu các huyết này đã đem lại kết quả tốt trong đau nhức mắt trong cơn thiên đầu thống; làm tan các lệ lúc bắt đầu, hoặc giải quyết một số trường hợp sụp mi bắt đầu.

Những kết quả được Hội đồng khoa học kỹ thuật của Viện xác minh như tác dụng của lá RC, viên minh mục, cao tiêu viêm v.v..., dần dần đã được phổ biến, áp dụng xuống một số phòng nhãn khoa tỉnh.

∴

Công tác nghiên cứu đông y về khoa mắt, tuy mới ở bước đầu nhưng đã có nhiều hứa hẹn, cho phép khai thác nguồn dược liệu vô cùng phong phú của nước chúng ta, áp dụng một cách có hiệu quả các bài thuốc kinh nghiệm cổ truyền dưới hình thái khoa học, để kết hợp với tây y giải quyết cho được ngày càng nhiều người bệnh bị các bệnh mắt gây mù lòa, nhanh chóng trả người bệnh về lao động, học tập, sản xuất và chiến đấu.